

Bản án số: 90/2024/DS-ST

Ngày: 25/7/2024.

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đặng Ngọc Thu**.

2. Bà **Lê Thị Kiều Oanh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham dự.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2024/TLST-DS, ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-DS ngày 13/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 440/2024/QĐST-DS ngày 05/7/2024 giữa các đương sự:

***. Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần S1. Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D**, Chức vụ: Tổng Giám đốc; địa chỉ trụ sở chính: Số B - B, đường N, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà **Nguyễn Đức Thạch D** ủy quyền cho ông **Lê Văn T**, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S1 - Chi nhánh V; địa chỉ trụ sở chi nhánh: Số C, đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long làm người đại diện.

Ông **Lê Văn T** ủy quyền lại cho ông **Nguyễn Phú Q**, Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro - Ngân hàng thương mại cổ phần S1 - Chi nhánh V; địa chỉ: Số C, Đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (*có đơn xin vắng mặt*).

***. Bị đơn:** Ông **Lê Giang S**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số C, đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 12/10/2023 và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/3/2018, Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Lê Giang S, sinh năm 1987; địa chỉ: Số C, đường T, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã thỏa thuận ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 7047654 ngày 29/3/2018 bao gồm Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S1, căn cứ vào mức thu nhập của ông S Ngân hàng TMCP S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho vay số tiền với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), cụ thể Ngân hàng TMCP S1 đồng ý cấp cho ông S 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), số thẻ tín dụng ông S được cấp số thẻ là 356480-1975 (thẻ JCB - hạng chuẩn); mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; không có thỏa thuận thời hạn vay cụ thể vì đây là hình thức cho vay dưới dạng cấp thẻ tín dụng; số thẻ tín dụng nêu trên được cấp cho ông S có thời hạn sử dụng là 03 năm cụ thể thời hạn sử dụng thẻ đến tháng 03/2021; thỏa thuận lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 2,5%/tháng (theo lãi suất ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau theo quy định); lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng tương đương lãi quá hạn là 3,75%/tháng, bên cạnh lãi suất thì chủ thẻ còn phải trả các loại phí liên quan đến thẻ được quy định trong Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S1 như phí thường niên sử dụng thẻ, phí sử dụng vượt hạn mức thẻ và phí trễ hạn. Ngoài ra các bên không còn thỏa thuận mức lãi phạt vi phạm nào khác.

Phương thức trả nợ gốc và lãi: Gốc và lãi trả vào ngày 28, 30 hoặc 31 tây hàng tháng; hình thức trả vốn và lãi hàng tháng thanh toán nợ trực tiếp bằng tiền mặt tại Ngân hàng hoặc ông S nộp tiền vào số thẻ 356480-1975 của ông S tại Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh V.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, sau khi cấp thẻ số 356480-1975 ông S đã thực hiện việc giao dịch từ ngày 30/4/2018 đến ngày 31/12/2019 rút tiền mặt tổng số tiền là 14.302.340 đồng. Từ ngày 30/4/2018 đến ngày 28/02/2022 ông S đã thanh toán vốn, lãi được 18.709.528 đồng rồi sau đó không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tiếp theo. Tính đến ngày 31/7/2022 thì số nợ của ông S ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và bắt đầu tính lãi quá hạn từ ngày 31/7/2022 và tạm khóa quyền sử dụng thẻ tín dụng nêu trên. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay ông S vẫn không thanh toán nợ vay cho ngân hàng, vì vậy ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Giang S thanh toán dư nợ gốc còn lại 12.549.286 đồng và lãi quá hạn từ ngày 31/7/2022 đến khi ông S thanh toán dứt nợ.

Bị đơn: Ông Lê Giang S đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời hạn theo thông báo bị đơn không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng. Như vậy, vụ án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do bị đơn cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa;

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt kèm theo tóm tắt sao kê tính vốn lãi đề ngày 25/7/2024; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt không đến phiên tòa và không cung cấp chứng cứ gì phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Nguyên đơn là tổ chức tín dụng ký hợp đồng vay tín dụng với bị đơn là cá nhân vay mục đích tiêu dùng, không nhằm mục đích kinh doanh để phát sinh lợi nhuận. Do đó xác định đây là vụ án có quan hệ pháp luật dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Bị đơn khi xác lập giao dịch theo địa chỉ số C, đường T, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền loại việc của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất ngờ và trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Sau khi xem xét đánh giá chứng cứ do đương sự cung cấp gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 7047654 ngày 29/3/2018 bao gồm Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S1; tóm tắt sao kê tính vốn lãi đề ngày 25/7/2024. Hội đồng xét xử xét thấy, G đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 7047654 ngày 29/3/2018 có nội dung thể hiện giao kết hợp đồng

vay tiền được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, nội dung phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên xem đây là hợp đồng vay tài sản và hợp đồng này có hiệu lực. Quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc, lãi theo thỏa thuận hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay vốn gốc 12.549.286 đồng và lãi quá hạn đến ngày xét xử 25/7/2024 bằng số tiền 11.827.650 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 24.376.936 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn theo hợp đồng trên dư nợ từ 26/7/2024 đến khi ông Lê Giang S thanh toán dứt nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cố tình vắng mặt, Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án để phản bác lại chứng cứ và yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là sự thật theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng dư nợ (*nợ gốc và lãi*) là 24.376.936 đồng, trong đó nợ gốc 12.549.286 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 25/7/2024 là 11.827.650 đồng. Kể từ sau ngày tuyên án hàng tháng bị đơn phải chịu lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

[3]. Về án phí: Buộc bị đơn nộp 1.218.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 40, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự và các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Tuyên xử:

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Lê Giang S trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S1 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 7047654 ngày 29/3/2018 bao gồm bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S1 số tiền nợ vay vốn gốc 12.549.286 đồng (*mười hai triệu, năm trăm bốn mươi chín ngàn, hai trăm tám mươi sáu đồng*) và lãi quá hạn 11.827.650 đồng (*mười một triệu, tám trăm hai mươi bảy ngàn, sáu trăm năm mươi đồng*) theo bảng tóm tắt sao kê tính lãi ngày 25/7/2024. Tổng số tiền nợ gốc và lãi là 24.376.936 đồng (*hai mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi sáu ngàn, chín trăm ba mươi sáu đồng*). Kể từ ngày 26/7/2024 (*sau ngày tuyên án sơ thẩm*) về sau, ông Lê Giang S phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với khoản nợ vay vốn gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận

trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 7047654 ngày 29/3/2018 bao gồm Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí: Buộc bị đơn ông Lê Giang S nộp số tiền 1.218.900 đồng (*một triệu, hai trăm mười tám ngàn, chín trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S1 số tiền 492.000 đồng (*bốn trăm chín mươi hai ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số NQ: 0006574, ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND cùng cấp;
- THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn